

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /2016/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 24 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ:
Ngày: ... 20/11/16 ...

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Điều 6 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực ngành nghề sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; dịch vụ nông nghiệp, nông thôn bao gồm: Giống, thuốc bảo vệ thực vật, thú y, vật tư nông nghiệp, thiết bị, máy cơ khí, công cụ nông nghiệp, thủy nông, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người sản xuất gồm: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân nông trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ;

b) Tổ chức khuyến nông trong nước và nước ngoài thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực ngành nghề sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; dịch vụ nông nghiệp nông thôn bao gồm giống, thuốc bảo vệ thực vật, thú y, vật tư nông nghiệp, thiết bị, máy cơ khí, công cụ nông nghiệp, thủy nông, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;



c) Người hoạt động khuyến nông là cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực ngành nghề sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; dịch vụ nông nghiệp nông thôn bao gồm giống, thuốc bảo vệ thực vật, thú y, vật tư nông nghiệp, thiết bị, máy cơ khí, công cụ nông nghiệp, thủy nông, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

d) Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông.

Điều 2. Nội dung chi và mức hỗ trợ tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Nội dung chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có);

b) Chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có);

c) Chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại; tiền ở (nếu có);

d) Chi khác: Khai giảng, bế giảng, in giấy chứng nhận, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

2. Mức hỗ trợ đối với người sản xuất tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học. Hỗ trợ tiền ăn đối với các lớp tập huấn tổ chức tại thành phố tối đa không quá 40.000 đồng/ngày thực học/người; đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại quận, huyện không quá 30.000 đồng/ngày thực học/người; đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn không quá 25.000 đồng/ngày thực học/người. Hỗ trợ tiền phương tiện đi lại theo giá vé phương tiện vận tải hành khách công cộng chiều đi và về từ nhà hoặc nơi làm việc đến nơi tham dự tập huấn, đào tạo tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thì thanh toán theo mức khoán tiền tự túc phương tiện theo mức 1.200 đồng/km, tối đa không quá 150.000 đồng/người/khoá học. Đối với chỗ ở cho người học được đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ như chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì đơn vị tổ chức đào tạo, tập huấn được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 200.000 đồng/người/đêm;

b) Nông dân sản xuất hàng hoá, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học. Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% theo mức quy định đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Đối với chỗ ở cho người học được đơn vị tổ chức bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ như chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 50% theo mức quy định đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ

nghèo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; phần chi phí còn lại do học viên tham gia đóng góp;

c) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự.

3. Mức hỗ trợ đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Đối với người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học. Đối với chỗ ở cho người học được đơn vị tổ chức bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ như chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 200.000 đồng/người/đêm. Các chế độ công tác khác do cơ quan cử cán bộ tham dự thanh toán theo chế độ hiện hành;

b) Đối với người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

4. Chi bồi dưỡng giảng viên

a) Đối với các lớp tập huấn kỹ thuật, hội thảo các mô hình khuyến nông ngăn ngày tổ chức tại xã, phường, thị trấn: giảng viên là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia tập huấn, đào tạo được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 30.000 đồng/giờ (Một buổi giảng được tính 04 giờ); giảng viên là tiến sỹ khoa học, tiến sỹ, nghệ nhân cấp thành phố trở lên được trả tiền công giảng dạy mức tối thiểu 300.000 đồng/buổi;

b) Hướng dẫn viên thực hành, hướng dẫn tham quan, báo cáo viên tại hội thảo được chi trả không quá: 100.000 đồng/ngày/người.

5. Các khoản chi khác đối với các lớp tập huấn kỹ thuật, hội thảo các mô hình khuyến nông ngăn ngày tổ chức tại xã, phường, thị trấn

a) Chi biên soạn tài liệu mới phục vụ cho tập huấn, hội thảo mô hình khuyến nông áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

b) Thuê, trang trí hội trường mức chi không quá: 1.000.000 đồng/ngày; tiền nước uống cho học viên: 10.000 đồng/ngày/người;

c) Chi phí quản lý tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học.

Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền khuyến nông

1. Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có dự án thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến



nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến.

2. Hình thức và mức hỗ trợ tổ chức tuyên truyền

a) Phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, bản tin khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng;

b) Diễn đàn khuyến nông: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống, báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn. Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 2 của Quyết định này; mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Chi cho hội nghị tổng kết công tác khuyến nông, hội thảo chuyên đề mức chi theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Cần Thơ;

d) Chi hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp cấp thành phố: Hỗ trợ chi phí 100% thuê gian hàng trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi thông tin tuyên truyền hội chợ; chi hoạt động của Ban tổ chức. Mức chi theo kế hoạch, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt;

đ) Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông thành phố, quận, huyện: Thông tin, truyền truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc; chi thức ăn, hoá chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thí sinh dự thi và chi khác. Mức chi theo kế hoạch, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt;

e) Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác theo thực tế.

Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông

1. Nội dung

a) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với quy mô cấp thành phố, cấp huyện, nhu cầu của người sản xuất và định hướng ngành; các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản;

b) Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao; xây dựng mô

hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững;

c) Chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

2. Mức hỗ trợ cho mô hình trình diễn và hộ tham gia mô hình

a) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện ứng dụng của thành phố như:

- Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn đối với các hộ nông dân trên địa bàn thành phố được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu;

- Mô hình cơ giới hoá nông nghiệp, bảo quản chế biến, nghề muối và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị đối với các hộ nông dân trên địa bàn thành phố được hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

b) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) với số ngày thực hiện/tháng nhân (x) với số tháng thực tế thuê theo chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi, nhưng không quá 09 tháng cho một mô hình;

c) Chi triển khai mô hình tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình. Trong đó mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn 25.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng

Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ. Mức chi 15 triệu đồng/mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng quy định đối với chi bồi dưỡng giảng viên tại khoản 4 Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Mức chi hỗ trợ biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo và tư vấn khuyến nông

Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

Điều 7. Mức chi hỗ trợ tham quan, học tập trong nước và nước ngoài

Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí trong và ngoài nước. Đối với nông dân, người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng mức chi bằng với mức chi theo quy định về chế độ công tác phí trong và ngoài nước.

Điều 8. Mức chi hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông

Mức chi hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Mức chi hỗ trợ quản lý chương trình dự án khuyến nông

1. Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng tối đa không quá 2% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông; chi khác (nếu có). Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí.

2. Đối với đơn vị tổ chức thực hiện dự án khuyến nông: Đơn vị triển khai thực hiện dự án khuyến nông được chi không quá 3% dự toán dự án khuyến nông để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2016.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./v

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục KT. VBQPPL);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBND TP và các đoàn thể;
- VP HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Công thông tin Chính phủ;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Trung tâm Tin học - công báo;
- VP.UBND thành phố (3B);
- Lưu: VT.QT. 2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Thành Thống